

THÔNG BÁO

Về việc thu học phí học kỳ II năm học 2025-2026 đối với sinh viên K57

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 601/QĐ-ĐHNL-KHTC ngày 04/8/2025 của Trường Đại học Nông Lâm Quy định mức học phí đào tạo bậc đại học hệ chính quy năm học 2025-2026;

Căn cứ Kế hoạch đào tạo của Trường Đại học Nông Lâm,

1. Mức học phí

TT	Tên lớp	Số tín chỉ theo kế hoạch học kỳ II năm học 2025-2026	Đơn giá học phí (Đồng/Tín chỉ)	Số tiền học phí phải nộp học kỳ II năm học 2025-2026 (Đồng)
Khoa Chăn nuôi thú y				
1	CNTY 57N01	20	518.800	10.376.000
2	CNTY 57N02	20	518.800	10.376.000
3	TY 57N01	19	524.300	9.961.700
4	TY 57N02	19	524.300	9.961.700
5	TY 57N03	19	524.300	9.961.700
Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn				
1	QLKT 57	21	499.900	10.497.900
2	KTNN 57	21	547.200	11.491.200
3	TC-KT 57HG	22	470.300	10.346.600
4	TC-KT 57	21	470.300	9.876.300
5	KDQT 57	21	470.300	9.876.300
Khoa Lâm nghiệp				
1	DL&HCTN 57	18	518.800	9.338.400
2	Lâm sinh 57	21	518.800	10.894.800
3	QLTNR 57	21	518.800	10.894.800
Khoa Quản lý tài nguyên				
1	QLTN&MT 57	20	499.900	9.998.000

TT	Tên lớp	Số tín chỉ theo kế hoạch học kỳ II năm học 2025-2026	Đơn giá học phí (Đồng/Tín chỉ)	Số tiền học phí phải nộp học kỳ II năm học 2025-2026 (Đồng)
2	QLĐĐ 57	20	499.900	9.998.000
3	KHMT 57	23	505.800	11.633.400
Khoa Công nghệ Nông nghiệp				
1	KHCTr 57	21	547.200	11.491.200
2	NNCNC 57	21	547.200	11.491.200
3	VB2- NNCNC 57	18	547.200	9.849.600
Viện Công nghệ sinh học và Công nghệ thực phẩm				
1	ĐBCL&ATTP 57	23	547.200	12.585.600
2	CNTP 57	23	518.800	11.932.400
3	CNSH 57	21	505.800	10.621.800
Trung tâm Địa tin học				
1	CNTT 57 HG	20	547.200	10.944.000
2	Trí tuệ NT 57	21	547.200	11.491.200
3	QLTT 57	21	499.900	10.497.900
4	CN&ĐMST 57	21	547.200	11.491.200
Khoa Khoa học liên ngành				
1	Ngôn ngữ Anh 57	19	499.900	9.498.100
2	Ngôn ngữ Anh 57N01 HG	20	499.900	9.998.000
3	Ngôn ngữ Anh 57N02 HG	20	499.900	9.998.000

2. Thời gian thu học phí: Bắt đầu từ ngày 29/12/2025 đến ngày 12/01/2026.

***Lưu ý:**

- Sinh viên nộp đủ học phí đúng hạn mới được đăng ký môn học tại học kỳ II năm học 2025-2026.
- Sinh viên khóa K57 có trách nhiệm nộp đầy đủ học phí học kỳ II năm học 2025-2026 và nộp bổ sung phần học phí còn thiếu của học kỳ I năm học 2025-2026 (nếu có). Số tiền học phí cần nộp bổ sung được hiển thị trên trang cá nhân của sinh viên.

3. Hình thức thu học phí

Thực hiện theo phụ biểu hướng dẫn kèm theo công văn này.

Đề nghị Ban chủ nhiệm các khoa, giáo viên chủ nhiệm các lớp đôn đốc sinh viên hoàn thành việc nộp học phí trước khi đăng ký học của học kỳ II năm 2025-2026./.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Thủ trưởng các đơn vị (t/hiện);
- Lưu VT, TC&CSVC

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS Nguyễn Hưng Quang

Tran Tung Duong_ 14:08 05/01/2026
Ban Giam hieu Nguyen Hung Quang da ky, 29/12/2025 17:13:40

Tran Tung Duong_ 14:08 05/01/2026
Ban Giam hieu Nguyen Hung Quang da ky, 29/12/2025 17:13:40

Tran Tung Duong_ 14:08 05/01/2026
Ban Giam hieu Nguyen Hung Quang da ky, 29/12/2025 17:13:40